ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHIÊM HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 369 /KH-UBND	*Chiêm Hóa, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình truyền thông Dân số và đề án chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số trên địa bàn xã Chiêm Hóa đến năm 2030

Thực hiện Kế hoạch số 424/KH-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số và Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân xã Chiêm Hóa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số và Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số trên địa bàn xã đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và thay đổi hành vi của cán bộ, đảng viên, Nhân dân về dân số và phát triển; truyền thông về duy trì mức sinh hợp lý, giảm mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, thích ứng với già hóa dân số và phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

Đổi mới phương thức truyền thông, kết hợp truyền thông trực tiếp với truyền thông số, tăng khả năng tiếp cận thông tin chính thống của người dân trên địa bàn xã.

2. Yêu cầu

Nội dung chính xác, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm đối tượng, phong tục, điều kiện của 34 thôn; ưu tiên người dân ở địa bàn khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, vị thành niên, người trong độ tuổi sinh sản, người cao tuổi và nhóm hạn chế kỹ năng số. Phân công rõ trách nhiệm, lồng ghép nguồn lực, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, nâng cao hiệu quả truyền thông, vận động, giáo dục về dân số và phát triển; tăng cường ứng dụng nền tảng số, góp phần thực hiện các mục tiêu dân số của tỉnh và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã.

2. Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030

2.1. 100% cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan trên địa bàn được phổ biến, cập nhật văn bản về dân số; lồng ghép nội dung dân số vào kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ.

2.2. 95% cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về sinh đủ hai con, kế hoạch hóa gia đình; phấn đấu 90% hiểu biết các nội dung cơ bản theo chỉ tiêu của tỉnh.

2.3. 95% cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ và ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin về mất cân bằng giới tính khi sinh; phấn đấu 90% cặp vợ chồng cam kết không lựa chọn giới tính thai nhi.

2.4. 95% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về khám sức khỏe trước kết hôn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; phấn đấu 90% nam, nữ thanh niên hiểu rõ các nội dung này.

2.5. 95% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về sàng lọc trước sinh, sơ sinh; phấn đấu 80% phụ nữ mang thai đồng ý tầm soát trước sinh và 95% bà mẹ đồng ý tầm soát sơ sinh.

2.6. 100% cơ sở giáo dục triển khai lồng ghép giáo dục dân số, bình đẳng giới, sức khỏe sinh sản phù hợp chương trình; phấn đấu 90% vị thành niên, thanh niên được cập nhật kiến thức và 85% hiểu, có kỹ năng thực hành phù hợp.

2.7. 85% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc được cung cấp kiến thức chăm sóc sức khỏe; phấn đấu 95% người dân hiểu trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi.

2.8. 100% thôn triển khai truyền thông dân số; 60% cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân tiếp cận thông tin dân số trên nền tảng số; 90% tài liệu, sản phẩm truyền thông thuộc phạm vi triển khai được số hóa, cập nhật theo hướng dẫn và trên nền tảng dùng chung khi được cung cấp.

2.9. 95% cán bộ làm công tác dân số cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực truyền thông số, truyền thông xã hội; hằng năm cập nhật kỹ năng cho báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên theo hướng dẫn của Sở Y tế.

Các tỷ lệ nêu trên là chỉ tiêu phấn đấu vận dụng từ Kế hoạch của tỉnh; việc đo lường, tổng hợp thực hiện theo biểu mẫu, hướng dẫn chuyên môn của Sở Y tế, không tự xác định kết quả khi chưa có số liệu.

III. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, HÌNH THỨC

1. Nội dung truyền thông

1.1. Chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số

Tuyên truyền Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017, Kết luận số 149-

KL/TW ngày 10/4/2025, Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025; Luật Dân số số 113/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Phổ biến quyền, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động và trách nhiệm cộng đồng trong công tác dân số và phát triển.

1.2. Duy trì mức sinh hợp lý, nâng cao trách nhiệm sinh con

Tuyên truyền vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; quyền chủ động quyết định thời gian, số con và khoảng cách sinh phù hợp với sức khỏe, điều kiện kinh tế và nuôi dạy con; lợi ích của việc sinh đủ hai con trước 35 tuổi, không kết hôn và sinh con quá muộn; hệ lụy của mức sinh thấp kéo dài.

1.3. Giảm mất cân bằng giới tính khi sinh và thúc đẩy bình đẳng giới

Tuyên truyền quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; đề cao giá trị trẻ em gái, vai trò của phụ nữ và trách nhiệm của nam giới. Vận động lồng ghép nội dung bình đẳng giới, không trọng nam hơn nữ vào hương ước, quy ước thôn theo quy định.

1.4. Thích ứng với già hóa dân số, chủ động chuẩn bị cho tuổi già

Tuyên truyền chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần người cao tuổi, dinh dưỡng, luyện tập, khám sức khỏe định kỳ; trách nhiệm phụng dưỡng và phát huy vai trò người cao tuổi. Hướng dẫn phòng ngừa bạo lực, lừa đảo, xâm hại người cao tuổi; khuyến khích xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện và tiếp cận dịch vụ phù hợp.

1.5. Nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe sinh sản

Tuyên truyền tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, kế hoạch hóa gia đình; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn. Đẩy mạnh phòng, chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, nhất là tại các thôn, nhóm dân cư cần ưu tiên.

1.6. Chuyển đổi số và truyền thông trên nền tảng số

Tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và chia sẻ tài liệu truyền thông dân số từ nguồn chính thống theo hướng dẫn của ngành Y tế; xây dựng, đăng tải tin, bài, hình ảnh, video ngắn và sản phẩm truyền thông phù hợp trên trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh, mạng xã hội và nhóm thông tin cộng đồng. Từng bước ứng dụng công cụ số để thống kê, theo dõi mức độ tiếp cận và tiếp nhận phản hồi; bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, cộng tác viên dân số; bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Đối tượng truyền thông

2.1. Đối tượng chung: Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình và cá

nhân trên địa bàn xã có quyền được tiếp nhận, tham gia truyền thông, vận động, giáo dục về dân số.

2.2. Nhóm đối tượng ưu tiên: Người chưa thành niên, học sinh, thanh niên; nam, nữ trong độ tuổi sinh sản và các cặp vợ chồng; phụ nữ mang thai; người cao tuổi và người thân chăm sóc; đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở thôn có điều kiện khó khăn; người di cư, người khuyết tật, người lao động và các nhóm có nhu cầu đặc thù.

3. Hình thức truyền thông

3.1. Truyền thông trực tiếp: Tổ chức hội nghị, nói chuyện chuyên đề, tư vấn nhóm, tư vấn tại Trạm Y tế; lồng ghép tại họp thôn, sinh hoạt cộng đồng, hoạt động của các đoàn thể và trường học.

3.2. Truyền thông gián tiếp: Thông tin qua hệ thống truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, bản tin, pa-nô, áp-phích, tờ rơi và tài liệu chuyên đề phù hợp.

3.3. Chiến dịch và sự kiện: Lồng ghép hoạt động hưởng ứng Ngày Dân số thế giới 11/7, Ngày Quốc tế trẻ em gái 11/10, Tháng hành động quốc gia về Dân số và Ngày Dân số Việt Nam 26/12; tổ chức hoạt động phù hợp với điều kiện địa phương.

3.4. Truyền thông số: Chia sẻ thông tin chính thống qua các nền tảng số, mạng xã hội, nhóm Zalo cộng đồng; sử dụng tin, bài, infographic, video ngắn và tài liệu điện tử phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3.5. Nâng cao năng lực: Cử cán bộ, nhân viên y tế, cộng tác viên dân số, tuyên truyền viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng về nội dung dân số, kỹ năng truyền thông và sử dụng nền tảng số theo hướng dẫn của cấp trên.

3.6. Theo dõi, giám sát, đánh giá: Theo dõi số hoạt động, số người được tiếp cận, sản phẩm truyền thông, kết quả sử dụng nền tảng số; tổng hợp khó khăn, đề xuất giải pháp và báo cáo theo quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn hợp pháp khác; chủ động lồng ghép với chương trình, kế hoạch liên quan. Phòng Kinh tế phối hợp các đơn vị tham mưu cân đối, bố trí kinh phí theo khả năng ngân sách, đúng quy định; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, không trùng lặp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là đầu mối tham mưu UBND xã triển khai, đôn đốc thực hiện Kế hoạch; phối hợp Trạm Y tế xây dựng nội dung truyền thông hằng năm, theo dõi chỉ tiêu, tổng hợp báo cáo; phối hợp các đơn vị tổ chức truyền thông trong trường học và cộng đồng.

2. Trạm Y tế xã

Chủ trì về chuyên môn dân số, cung cấp nội dung, tài liệu chính thống theo hướng

dẫn của Sở Y tế; tổ chức tư vấn, truyền thông trực tiếp; hướng dẫn cộng tác viên dân số; tổng hợp số liệu chuyên môn, kết quả hoạt động gửi Phòng Văn hóa - Xã hội.

3. Trung tâm Dịch vụ công xã

Phối hợp thực hiện truyền thông trên hệ thống truyền thanh và các kênh thông tin cơ sở theo chức năng, nhiệm vụ; tiếp nhận, biên tập, đăng tải nội dung được cung cấp, bảo đảm chính xác và phù hợp.

4. Phòng Kinh tế

Phối hợp tham mưu nguồn kinh phí thực hiện theo phân cấp, khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.

5. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn

Lồng ghép giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, phòng chống tảo hôn và lựa chọn giới tính thai nhi phù hợp độ tuổi, chương trình giáo dục; phối hợp Trạm Y tế tổ chức hoạt động truyền thông.

6. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội

Lồng ghép nội dung dân số trong phong trào, sinh hoạt hội; vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tiếp cận thông tin chính thống, thực hiện chính sách dân số.

7. Trưởng các thôn

Phối hợp cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn tuyên truyền trong họp thôn, sinh hoạt cộng đồng; ưu tiên nhóm khó tiếp cận; phản ánh khó khăn và tổng hợp kết quả theo yêu cầu.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Các cơ quan, đơn vị và các thôn gửi báo cáo kết quả thực hiện hằng năm về UBND xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội) trước ngày 02/12 để tổng hợp. Phòng Văn hóa - Xã hội phối hợp Trạm Y tế tham mưu UBND xã báo cáo Sở Y tế trước ngày 05/12 hằng năm; kỳ số liệu từ ngày 01/12 năm trước đến hết ngày 30/11 năm báo cáo. Thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu. Nội dung báo cáo gồm kết quả chỉ tiêu, hoạt động truyền thông trực tiếp và số kinh phí, khó khăn, kiến nghị.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình Truyền thông Dân số và Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số trên địa bàn xã Chiêm Hóa đến năm 2030. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- TT. Đảng ủy;
- TT. HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- UBMTTQVN và các TC CT-XH xã;
- Chánh VP HĐND&UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trong Kế hoạch;
- Các Trưởng thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ CHIÊM HÓA TUYÊN QUANG

Nguyễn Trường Minh